

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

LÊ THỊ THU HÀ

XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử Nhà nước và Pháp luật

Mã số: 8380101.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS NGUYỄN HOÀNG ANH

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2018

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	8
1.1. Khái quát chung về trợ giúp pháp lý	8
1.1.1. Khái niệm trợ giúp pháp lý	8
1.1.2. Đặc trưng hoạt động trợ giúp pháp lý	11
1.1.3. Bản chất, đặc điểm, vai trò của hoạt động trợ giúp pháp lý	15
1.2. Khái niệm, bản chất, cơ sở của xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý	18
1.2.1. Khái niệm xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý	18
1.2.2. Bản chất xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý	21
1.2.3. Cơ sở xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý.....	23
1.3. Nội dung xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý và các yếu tố ảnh hưởng đến xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam	31
1.3.1. Nội dung xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý	31
1.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam	32
1.4. Kinh nghiệm xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở một số nước trên thế giới	34
1.4.1. Xã hội hóa người thực hiện trợ giúp pháp lý.....	34
1.4.2. Xã hội hóa tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.....	36
1.4.3. Xã hội hóa kinh phí hoạt động trợ giúp pháp lý	38
Tiểu kết Chương 1	40
Chương 2: THỰC TRẠNG XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ Ở VIỆT NAM	41
2.1. Thực trạng xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam giai đoạn trước năm 2007	41
2.1.1. Tình hình trợ giúp pháp lý và xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam trước năm 1997.....	41
2.1.2. Thực trạng xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam từ năm 1997 đến hết năm 2006	44
2.2. Thực trạng xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam từ năm 2007 đến năm 2017	50
2.2.1. Thực trạng trợ giúp pháp lý và nhu cầu xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý	51

2.2.2.	Thực trạng chính sách pháp luật về xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý	53
2.2.3.	Thực trạng thực hiện xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý.....	58
2.3.	Hạn chế, bất cập về xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý.....	62
2.3.1.	Cơ chế chính sách pháp luật chưa thật sự tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp cho hoạt động trợ giúp pháp lý	63
2.3.2.	Nhận thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý còn hạn chế.....	65
2.3.3.	Công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý còn hạn chế, chưa đa dạng về hình thức.....	65
2.3.4.	Nguồn nhân lực thực hiện xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý còn hạn chế.....	65
2.3.5.	Kinh phí và các điều kiện tài chính khác còn hạn chế.....	67
	Tiểu kết Chương 2	70
	Chương 3 : QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	71
3.1.	Quan điểm bảo đảm xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam..	71
3.1.1.	Xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý cần thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về các chính sách xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý trong giai đoạn phát triển mới	71
3.1.2.	Xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý cần bảo đảm mục tiêu bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người	72
3.1.3.	Xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý cần gắn liền với cải cách hành chính, cải cách tư pháp.....	74
3.1.4.	Xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý phải thể hiện vai trò, trách nhiệm và sự thích ứng của nhà nước trong cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp trong bối cảnh mới	76
3.1.5.	Kế thừa quy định còn phù hợp, khắc phục những hạn chế của xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý, đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý của xã hội hiện nay	80
3.2.	Các giải pháp bảo đảm xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.....	81
3.2.1.	Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý.	81
3.2.2.	Giải pháp về tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.....	85
3.2.3.	Giải pháp về người thực hiện trợ giúp pháp lý	87
3.2.4.	Giải pháp về kinh phí hoạt động trợ giúp pháp lý	91
3.2.5.	Giải pháp về hợp tác quốc tế.....	93
	Tiểu kết Chương 3	94
	KẾT LUẬN	95
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	97

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết

Trợ giúp pháp lý (TGPL) là chính sách có ý nghĩa nhân văn sâu sắc trong tổng thể các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước thể hiện bản chất tốt đẹp của nền tư pháp nhân dân. Trước năm 1997, nước ta chưa có một văn bản pháp luật quy định cụ thể về TGPL miễn phí. TGPL ở Việt Nam ra đời thông qua việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 06/9/1997 về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách.

Để tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc phát triển TGPL ở Việt Nam, ngày 29/6/2006 Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 9 đã thể chế hóa chính sách cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí bằng một văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao là Luật TGPL. Qua 10 năm triển khai thực hiện Luật TGPL năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đến nay, TGPL đã đạt được những kết quả nhất định trong việc thực hiện XHH hoạt động TGPL, huy động các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện TGPL. Đến 31/12/2016, cả nước có 357 tổ chức hành nghề luật sư và Trung tâm tư vấn pháp luật đăng ký tham gia TGPL; đội ngũ CTV TGPL gồm 6.920 người, trong đó có 1.021 luật sư, còn lại là CTV TGPL khác.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì XHH hoạt động TGPL cũng dần bộc lộ những hạn chế, bất cập cụ thể như sau: (1) Pháp luật về TGPL đã có quy định cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện, đóng góp, hỗ trợ cho hoạt động TGPL nhưng đến nay việc XHH hoạt động TGPL còn chậm, việc thu hút sự tham gia TGPL của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế nhất là ở các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; (2) Các tổ chức hành nghề luật sư, Trung tâm tư vấn pháp luật tham gia TGPL song hiệu quả chưa cao, số lượng vụ việc rất khiêm tốn, nhiều tổ chức đăng ký tham gia TGPL nhưng chưa thực hiện vụ việc TGPL. CTV TGPL vẫn còn nhiều hạn chế về trình độ chuyên môn cũng như chưa thật sự tâm huyết, giành thời gian, công sức cho hoạt động TGPL; (3) Chưa huy động được nguồn lực tài chính xứng đáng cho hoạt động TGPL.

Trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu triển khai Hiến pháp năm 2013 và việc triển khai nhiều đạo luật quan trọng mới được Quốc hội thông qua, ngày 20/6/2017, tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật TGPL năm 2017. Tuy nhiên, XHH hoạt động TGPL còn bộc lộ một số giới hạn từ pháp luật cho đến thực tiễn triển khai như: chính sách thu hút, huy động sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong xã hội để thực hiện TGPL chưa thật sự phù hợp; nhận thức của xã hội về hoạt động TGPL còn mờ nhạt; ý thức chia sẻ trách nhiệm của xã hội với nhà nước đối với hoạt động này

còn hạn chế vì vậy chưa thật sự huy động được sự tham gia tích cực của các tổ chức, cá nhân cho hoạt động TGPL, do đó, hiệu quả XHH hoạt động TGPL phần nào chưa đáp ứng yêu cầu.

Vì những lý do nêu trên, tác giả chọn nghiên cứu luận văn “*Xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý*”.

2. Tình hình nghiên cứu

XHH hoạt động TGPL là việc huy động sự tham gia của các chủ thể trong việc cung cấp dịch vụ TGPL góp phần nâng cao chất lượng hoạt động TGPL. Đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu, luận án, luận văn, đề án và bài viết tiếp cận dưới các góc độ khác nhau về TGPL và đề cập đến khía cạnh rất nhỏ về XHH hoạt động TGPL. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào đánh giá toàn diện XHH hoạt động TGPL để có những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả XHH hoạt động TGPL.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn tập trung làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật về XHH hoạt động TGPL, đồng thời đánh giá thực trạng XHH hoạt động TGPL. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra một số giải pháp đẩy mạnh XHH hoạt động TGPL.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn có nhiệm vụ làm rõ các vấn đề cụ thể sau: Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật về XHH hoạt động TGPL. Đánh giá thực trạng XHH hoạt động TGPL ở Việt Nam qua các giai đoạn phát triển. Đưa ra các giải pháp bảo đảm thực hiện XHH hoạt động TGPL ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội cho hoạt động TGPL.

5. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn giới hạn phạm vi nghiên cứu thực trạng XHH hoạt động TGPL ở Việt Nam qua các thời kỳ từ trước năm 2007 đến hết năm 2017.

6. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được tác giả sử dụng phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong phương pháp luận của triết học Mác - Lê nin. Trong quá trình nghiên cứu và viết luận văn, tác giả sử dụng các phương pháp như phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phân tích và phương pháp thống kê. Đồng thời, tác giả còn sử dụng phương pháp khai thác và sử dụng các công trình nghiên cứu khoa học có liên quan đến TGPL, tư liệu thực tiễn về TGPL để hoàn chỉnh luận văn.

7. Những đóng góp của luận văn

Luận văn sẽ đi sâu phân tích làm sáng tỏ các vấn đề có liên quan về XHH hoạt động TGPL; đánh giá sâu sát, toàn diện tình hình thực hiện XHH hoạt động TGPL trong bối cảnh mới góp phần phát triển bền vững hoạt động TGPL.

8. Bộ cục luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu thành 03 chương và các mục sau đây:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và pháp luật về XHH hoạt động TGPL.

Chương 2: Thực trạng XHH hoạt động TGPL ở Việt Nam.

Chương 3: Quan điểm, giải pháp bảo đảm XHH hoạt động TGPL ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1.1. Khái quát chung về trợ giúp pháp lý

1.1.1. Khái niệm trợ giúp pháp lý

- Khái niệm TGPL

TGPL khởi nguồn ở nước Anh từ thế kỷ thứ XV - XVI. Ở Việt Nam, thuật ngữ “TGPL” bắt đầu được sử dụng từ năm 1995 trong đề tài nghiên cứu khoa học. Đến năm 1997 thì thuật ngữ “TGPL” được sử dụng một cách chính thức trong văn bản pháp luật thông qua việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 734/TTg ngày 06/9/1997 về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách. Đến năm 2006, khái niệm TGPL chính thức được đề cập trong đạo luật đầu tiên về TGPL.

Đến nay, khái niệm TGPL tiếp tục được khẳng định trong Luật TGPL năm 2017, theo đó “*TGPL là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL trong vụ việc TGPL theo quy định của Luật này, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật*”. Như vậy, khái niệm TGPL đã thể hiện bản chất của hoạt động TGPL đó là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người nghèo, người có công với cách mạng và những người có khó khăn về tài chính thông qua các vụ việc cụ thể góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

- Khái niệm hoạt động TGPL

Hoạt động được hiểu là phương pháp do con người thực hiện bảo đảm đạt được mục đích phục vụ con người. Hoạt động TGPL được hiểu theo hai nghĩa với nghĩa hẹp là chỉ những hoạt động TGPL cụ thể nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL. Theo nghĩa rộng, hoạt động TGPL có nghĩa là những công việc do chủ thể có trách nhiệm thực hiện có liên quan chặt chẽ với nhau, hướng tới mục đích thực hiện TGPL cho người được TGPL cụ thể là hoạt động trong việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, hoạt động của tổ chức

thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL, kinh phí hoạt động TGPL, quản lý nhà nước về TGPL và các hoạt động khác về TGPL giúp cho người được TGPL tiếp cận và sử dụng dịch vụ TGPL chất lượng, hiệu quả.

Phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, đề có cách nhìn toàn diện, bao quát về XHH hoạt động TGPL, trong luận văn, hoạt động TGPL được nghiên cứu theo nghĩa rộng.

1.1.2. Đặc trưng hoạt động trợ giúp pháp lý

1.1.2.1. Đặc trưng về người được trợ giúp pháp lý

Người được TGPL là người được thụ hưởng dịch vụ TGPL của nhà nước theo quy định của pháp luật mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác. Luật TGPL năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định đối tượng được TGPL bao gồm 06 nhóm đối tượng. Luật TGPL năm 2017 có sự kế thừa những diện người được TGPL và bổ sung có chọn lọc một số diện người yếu thế, dễ bị tổn thương không có khả năng tài chính. Do vậy, người được TGPL đã tăng từ 06 lên 14 nhóm đối tượng.

1.1.2.2. Đặc trưng về người thực hiện trợ giúp pháp lý

Người thực hiện TGPL là cá nhân trực tiếp cung cấp dịch vụ pháp lý cho người được TGPL. Bên cạnh đội ngũ TGVPL thì tùy từng giai đoạn phát triển còn có sự tham gia của người thực hiện TGPL khác. Luật TGPL năm 2006 quy định người thực hiện TGPL là TGVPL và người tham gia TGPL. Người thực hiện TGPL đã có sự điều chỉnh theo quy định của Luật TGPL năm 2017 bảo đảm chuyên nghiệp trong việc thực hiện TGPL.

1.1.2.3. Đặc trưng về tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý

Tổ chức thực hiện TGPL bao gồm Trung tâm TGPL nhà nước và tổ chức tham gia TGPL. Luật TGPL năm 2006 quy định tổ chức tham gia TGPL. Luật TGPL năm 2017 bao gồm tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL và tổ chức đăng ký tham gia TGPL.

1.1.2.4. Đặc trưng về hình thức trợ giúp pháp lý

TGPL là việc cung cấp dịch vụ pháp lý cho người được TGPL. Do vậy, người thực hiện TGPL cung cấp các dịch vụ TGPL bằng các hình thức như: tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng. Luật TGPL năm 2006 quy định các hình thức TGPL khác, tuy nhiên, đến nay các hình thức này không còn phù hợp. Vì vậy, Luật TGPL năm 2017 không quy định các hình thức TGPL khác mà chỉ có ba hình thức TGPL.

1.1.3. Bản chất, đặc điểm, vai trò của hoạt động trợ giúp pháp lý

1.1.3.1. Bản chất, đặc điểm của hoạt động trợ giúp pháp lý

Bản chất, đặc điểm của hoạt động TGPL được thể hiện qua các nét chính cơ bản sau:

- TGPL là một loại hình dịch vụ pháp lý miễn phí. Tính chất miễn phí của hoạt động TGPL được thể hiện ở quyền của người được TGPL.

- TGPL là trách nhiệm của Nhà nước, thuộc chức năng xã hội của Nhà nước. Theo đó, nhà nước với tư cách là chủ thể bảo đảm quyền được TGPL của người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội qua từng thời kỳ.

- TGPL còn thể hiện được bản chất của nhà nước ta là nhà nước do nhân dân làm chủ. Do vậy, hoạt động TGPL hướng đến mục đích quan trọng, cao nhất đó là nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý.

1.1.3.2. Vai trò của hoạt động trợ giúp pháp lý

TGPL có vai trò quan trọng đối với nhà nước, đối với xã hội và đối với người được TGPL.

- Đối với nhà nước: Nhà nước ra đời để điều hòa các mối quan hệ trong xã hội. Nhà nước có trách nhiệm quan tâm, chú trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL. Đồng thời, TGPL đã tác động tích cực đến đời sống pháp luật góp phần làm cho vai trò của pháp luật được phát huy, thực sự là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân

- Đối với xã hội: TGPL ra đời đáp ứng nhu cầu giúp đỡ về mặt pháp luật của nhân dân, góp phần nâng cao trình độ dân trí pháp lý và ý thức pháp luật.

- Đối với người được TGPL: TGPL giúp cho người được TGPL có điều kiện tiếp cận với pháp luật một cách thuận tiện, dễ dàng và ngày càng trở thành địa chỉ tin cậy của người được TGPL khi vướng vào vòng lao lý. Đồng thời, thông qua hoạt động TGPL góp phần phát huy vai trò làm chủ của người dân.

1.2. Khái niệm, bản chất, cơ sở của xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

1.2.1. Khái niệm xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật đưa ra khái niệm cụ thể về XHH. Riêng chỉ có Nghị quyết số 90/CP ngày 21/8/1997 của Chính phủ về chủ trương XHH các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá là văn bản đầu tiên và duy nhất đưa ra một số quy định mang tính định nghĩa về XHH hoạt động giáo dục, y tế và văn hóa.

XHH hoạt động TGPL là một chủ trương lớn của Đảng. Để từng bước thực hiện chính sách XHH hoạt động TGPL ở Việt Nam, Luật TGPL năm 2006 và 2017 đã quy định chính sách XHH. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu, tiếp cận về XHH hoạt động TGPL đã được một số học giả đề cập theo hướng tiếp cận về XHH dịch vụ công. Theo kinh nghiệm của một số nước trên thế giới thì việc XHH hoạt động TGPL được thể hiện thông qua việc huy động tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TGPL. Như vậy, có thể hiểu XHH hoạt động TGPL là việc nhà nước huy động sự tham gia thực hiện TGPL của các tổ chức, cá nhân góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật.

1.2.2. Bản chất xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

Bản chất của XHH hoạt động TGPL được thể hiện cụ thể như sau:

Thứ nhất, XHH hoạt động TGPL là việc nhà nước tạo cơ chế huy động, thu hút, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động TGPL.

Thứ hai, TGPL là trách nhiệm của nhà nước. XHH hoạt động TGPL không có nghĩa vai trò nhà nước mờ nhạt mà trái lại đề cao vai trò, trách nhiệm của nhà nước.

Thứ ba, XHH hoạt động TGPL góp phần đề cao vai trò của các tổ chức, cá nhân trong xã hội bảo đảm sự chia sẻ trách nhiệm TGPL với nhà nước.

Xuất phát từ bản chất của hoạt động TGPL cho thấy những nét đặc trưng cơ bản của XHH hoạt động TGPL, cụ thể:

- XHH hoạt động TGPL nhằm mở rộng các nguồn lực thực hiện TGPL sang khu vực tư nhân, giảm bớt gánh nặng cho nhà nước nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu TGPL của người dân.

- XHH hoạt động TGPL tạo sự cạnh tranh giữa các chủ thể trong việc cung cấp dịch vụ TGPL.

- XHH hoạt động TGPL đồng nghĩa với việc nhà nước tạo ra các cơ chế chính sách và điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng dịch vụ TGPL miễn phí cho người được TGPL.

1.2.3. Cơ sở xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

- XHH hoạt động TGPL xuất phát từ mục tiêu bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Bản chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do vậy nhà nước cần bảo đảm nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Nhu cầu TGPL không chỉ tăng về số lượng mà chất lượng TGPL. Do vậy, để đáp ứng nhu cầu TGPL thì phải hoàn thiện thể chế về XHH hoạt động TGPL.

- XHH hoạt động TGPL xuất phát từ thay đổi của hệ thống pháp luật. XHH hoạt động TGPL chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự thay đổi thể chế trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- XHH hoạt động TGPL xuất phát từ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đòi hỏi TGPL nói chung và XHH hoạt động TGPL nói riêng có sự thay đổi phù hợp với đặc điểm từng vùng miền, có bước đi và lộ trình hợp lý bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn, nhu cầu TGPL của người dân và khả năng XHH hoạt động TGPL.

- XHH hoạt động TGPL xuất phát từ mục tiêu hoàn thiện vai trò của bộ máy nhà nước trong thời kỳ mới. XHH hoạt động TGPL góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, hoàn thiện hoạt động công vụ, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước giải quyết các vụ việc một cách chính xác, khách

quan, công bằng, đúng pháp luật. Do vậy, XHH hoạt động TGPL góp phần hoàn thiện vai trò của bộ máy nhà nước trong thời kỳ mới.

- XHH hoạt động TGPL nhằm thích ứng với bối cảnh hội nhập quốc tế. XHH hoạt động TGPL có vai trò to lớn trong việc bảo đảm quyền TGPL thúc đẩy mục tiêu quốc tế trong việc tiếp cận công lý và bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật của người dân nói chung và người được TGPL nói riêng. Đó là cơ sở cho việc thực hiện XHH hoạt động TGPL góp phần không nhỏ của việc hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực và trên thế giới.

1.3. Nội dung xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý và các yếu tố ảnh hưởng đến xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam

1.3.1. Nội dung xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

- *XHH tổ chức thực hiện TGPL*: Bên cạnh các tổ chức thực hiện TGPL của nhà nước (Trung tâm TGPL nhà nước) còn có sự tham gia của các tổ chức hành nghề luật sư, trung tâm tư vấn pháp luật có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật vào việc cung cấp dịch vụ TGPL.

- *XHH người thực hiện TGPL*: XHH người thực hiện TGPL được thể hiện thông qua việc nhà nước sử dụng đội ngũ luật sư, tư vấn viên pháp luật, CTV TGPL có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về TGPL tham gia thực hiện TGPL.

- *XHH kinh phí hoạt động TGPL*: Để tạo cơ chế tham gia đóng góp, hỗ trợ về mặt tài chính cho hoạt động TGPL, việc thành lập Quỹ TGPL Việt Nam là để thu hút các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách. Việc huy động nguồn lực tài chính của Quỹ TGPL Việt Nam trong thời gian Quỹ tồn tại là chưa thực sự hiệu quả. Do vậy, Thủ tướng Chính phủ quy định việc chấm dứt hoạt động của Quỹ TGPL Việt Nam.

1.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam

- Về chính trị: Trong xu thế dân chủ hóa đời sống xã hội ngày càng mạnh mẽ, cải cách dịch vụ công đang trở thành một nội dung quan trọng trong cải cách hoạt động của nhà nước, nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của nhà nước, để nhà nước đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công dân.

- Về pháp lý: Chất lượng, hiệu quả của XHH hoạt động TGPL phụ thuộc vào tính minh bạch của cơ chế, chính sách pháp luật. Do vậy, đòi hỏi nhà nước phải có hệ thống pháp luật minh bạch, phù hợp với yêu cầu phát triển góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ TGPL.

- Về kinh tế: XHH hoạt động TGPL nhằm tạo điều kiện cho người được TGPL có nhiều cơ hội, điều kiện tiếp cận với dịch vụ TGPL góp phần phát triển kinh tế của đất nước.

- Về xã hội: TGPL là yếu tố quan trọng trong hệ thống tư pháp hình sự,

hỗ trợ tích cực trong công tác điều tra, truy tố, xét xử bảo đảm giải quyết vụ án khách quan, công bằng, đúng pháp luật. Chính vì vậy, hoạt động TGPL cần có sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị.

- Về bối cảnh quốc tế: Yêu cầu XHH hoạt động TGPL phù hợp với xu thế chung trong bối cảnh quốc tế về TGPL.

Như vậy, trong công cuộc cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân đòi hỏi đặt ra yêu cầu đối với TGPL nói chung và XHH hoạt động TGPL nói riêng càng nặng nề và khó khăn hơn.

1.4. Kinh nghiệm xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý của một số nước trên thế giới

XHH hoạt động TGPL là một nhu cầu tất yếu, khách quan tồn tại ở nhiều nước trên thế giới. Quá trình XHH hoạt động TGPL ở các nước khác nhau là rất khác nhau về cả phạm vi lẫn mức độ XHH nhưng tựu chung có 03 nội dung XHH hoạt động TGPL cụ thể như sau: XHH người thực hiện TGPL, XHH tổ chức thực hiện TGPL, XHH kinh phí hoạt động TGPL.

1.4.1. Xã hội hóa người thực hiện trợ giúp pháp lý

Theo Báo cáo nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài về TGPL của Bộ Tư pháp năm 2017 cho thấy phần lớn các nước trên thế giới đều có sự tham gia của luật sư tư vào việc thực hiện cung cấp dịch vụ TGPL nhưng ở mức độ khác nhau. Hình thức tham gia TGPL đa dạng cụ thể như sau:

Người thực hiện TGPL của nhà nước là Luật sư công/Luật sư nhà nước/Luật sư TGPL được nhà nước tuyển dụng vào làm việc, được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trực tiếp thực hiện TGPL theo sự phân công của tổ chức thực hiện TGPL. Các chức danh này hiện có ở đa số các nước như: Philippine, Mỹ, Israel, Hàn Quốc, Canada; Bang Victoria của Úc, Nam Phi, Ailen, Nhật Bản, Argentina, Đài Loan. Bên cạnh người thực hiện TGPL của nhà nước thì một số nước trên thế giới còn có cơ chế thu hút các luật sư tham gia TGPL như Luật sư tư/luật sư hành nghề tự do theo pháp luật về luật sư.

1.4.2. Xã hội hóa tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý

Ở đa số các nước, bên cạnh hệ thống TGPL của Nhà nước còn có các tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia vào hoạt động TGPL. Hình thức tham gia của các tổ chức xã hội vào hoạt động TGPL rất đa dạng và phong phú tùy vào điều kiện của mỗi nước nhưng chúng đều là tổ chức xã hội độc lập, phi lợi nhuận đăng ký tham gia TGPL. Tương ứng với sự tham gia của các tổ chức xã hội vào hoạt động TGPL mà có những mô hình TGPL khác nhau.

Nhìn chung, trên thế giới hiện nay có 3 mô hình TGPL chủ yếu, đó là: (1) Mô hình TGPL do Nhà nước thực hiện hoàn toàn; (2) Mô hình TGPL do luật sư và tổ chức xã hội thực hiện hoàn toàn; (3) Mô hình hỗn hợp (TGPL do Nhà

nước thành lập tổ chức thực hiện và thu hút luật sư, các tổ chức xã hội tham gia). Tương ứng với từng mô hình TGPL khác nhau thì có các tổ chức thực hiện TGPL khác nhau, vì vậy XHH tổ chức thực hiện TGPL tương ứng với từng mô hình thể hiện sự tham gia thực hiện TGPL của xã hội ở mức độ khác nhau.

1.4.3. Xã hội hóa kinh phí hoạt động trợ giúp pháp lý

Trên thực tế, các quốc gia đều dành ngân sách nhà nước để bảo đảm cho công tác TGPL. Một số nước còn huy động từ các nguồn hợp pháp khác cho công tác TGPL. Có thể thấy, kinh phí dành cho hoạt động TGPL ở mỗi nước là khác nhau phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi nước. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho hoạt động TGPL thì hầu hết các nước trên thế giới đều có sự huy động tham gia đóng góp kinh phí của các tổ chức xã hội, cá nhân cho hoạt động TGPL. Đó là sự đa dạng hóa nguồn kinh phí cho hoạt động TGPL để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu TGPL của người được TGPL.

Một số bài học cho Việt Nam từ kinh nghiệm XHH hoạt động TGPL của một số quốc gia trên thế giới: XHH hoạt động TGPL ngày nay là xu hướng đang có ở hầu hết các nước trên thế giới. Tuy nhiên, mức độ tham gia của xã hội vào hoạt động TGPL này là khác nhau ở mỗi nước tùy thuộc vào chính sách của nhà nước về TGPL; kinh phí dành cho hoạt động TGPL; trách nhiệm của các tổ chức xã hội đối với hoạt động TGPL. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều huy động các nguồn lực từ bên ngoài xã hội tham gia thực hiện TGPL như các luật sư tư/luật sư hành nghề tự do tham gia TGPL. Mô hình hỗn hợp là mô hình mà các nước thành lập hệ thống TGPL của Nhà nước, ký hợp đồng với các tổ chức xã hội hoặc luật sư tham gia thực hiện TGPL và trả thù lao cho luật sư, tổ chức xã hội. Đây là mô hình phổ biến nhất hiện nay trên thế giới và cũng là mô hình được đánh giá hiệu quả nhất, huy động nguồn lực xã hội tham gia thực hiện TGPL. Việc huy động các nguồn lực xã hội tham gia TGPL bên cạnh đội ngũ của nhà nước đã ngày càng phổ biến ở các quốc gia phát triển và các quốc gia đang phát triển.

XHH hoạt động TGPL của một số nước trên thế giới cho thấy XHH hoạt động TGPL là nhu cầu tất yếu trong quá trình phát triển hoạt động TGPL bảo đảm cho người được TGPL tiếp cận với dịch vụ TGPL thuận lợi, dễ dàng. Tuy nhiên, XHH hoạt động TGPL ở mỗi quốc gia là khác nhau bởi lẽ nó phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - chính trị, xã hội của quốc gia đó trong từng thời kỳ phát triển. Do vậy, XHH hoạt động TGPL ở Việt Nam cần có bước đi và lộ trình phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước và trình độ dân trí của người dân.

Chương 2

THỰC TRẠNG XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ Ở VIỆT NAM

Năm 2007 là năm đầu tiên triển khai Luật TGPL năm 2006. Luật TGPL năm 2006 là văn bản đầu tiên có hiệu lực pháp lý cao nhất về TGPL - có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2007, đánh dấu những đổi thay lớn trong chính sách pháp luật về TGPL nói chung cũng như về XHH hoạt động TGPL nói riêng, do vậy có thể lấy mốc thời gian này là thời điểm để đánh giá thực trạng XHH hoạt động TGPL ở Việt Nam.

2.1. Thực trạng xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam giai đoạn trước năm 2007

2.1.1. Tình hình trợ giúp pháp lý và xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam trước năm 1997

TGPL là hoạt động tương đối mới mẻ ở Việt Nam, ra đời muộn hơn so với các nhiệm vụ khác trong ngành tư pháp. Trước năm 1997, chưa có một văn bản pháp luật nào quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động TGPL miễn phí cho người nghèo và đối tượng chính sách, hoạt động dịch vụ pháp lý miễn phí phát triển gắn liền với hoạt động của luật sư và của các cơ quan tư pháp.

Có thể thấy, dịch vụ pháp lý miễn phí ở giai đoạn này đã thể hiện bản chất dân chủ của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm bảo vệ quyền con người, quyền công dân và chỉ dừng lại ở việc bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bị cáo. Như vậy, có thể thấy, trong giai đoạn này hoạt động mang tính chất của TGPL ở nước ta được điều chỉnh ở nhiều văn bản khác nhau chưa có tính hệ thống, chưa thành lập hệ thống.

Tuy nhiên, đến khi Pháp lệnh Tổ chức luật sư ra đời vào năm 1987 theo đó luật sư được thực hiện các hình thức giúp đỡ pháp lý như tham gia tố tụng; tư vấn pháp luật và các dịch vụ pháp lý khác. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã tham mưu giúp Chính phủ triển khai thí điểm thành lập các Trung tâm TGPL của nhà nước tại một số tỉnh như Cần Thơ, Hà Tây. Sau hơn 01 năm thực hiện thí điểm, tổng số vụ việc của 02 Trung tâm TGPL của nhà nước ở địa phương thí điểm đã thực hiện được 700 vụ.

Có thể thấy, trong giai đoạn này TGPL chưa thực hiện việc XHH bởi lẽ đây là giai đoạn đầu tiên, tiền thân cho sự hình thành và phát triển hệ thống TGPL ở Việt Nam. Đồng thời, xuất phát từ điều kiện lịch sử của nước ta mới giành được độc lập nên mọi nhu cầu của người dân đều được nhà nước trực tiếp thực hiện cung ứng.

2.1.2. Thực trạng xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam từ năm 1997 đến hết năm 2006

XHH hoạt động TGPL trong giai đoạn này đã từng bước được hình thành nhằm đáp ứng nhu cầu của người được TGPL.

2.1.2.1. Thực trạng trợ giúp pháp lý và nhu cầu xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

Ngay trong những ngày đầu thành lập tổ chức TGPL đã cho thấy hoạt động TGPL có một vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong đời sống xã hội, là bộ phận quan trọng trong tổng thể chính sách xã hội thực hiện dân chủ ở cơ sở, tăng cường pháp luật và thực hiện công bằng xã hội. TGPL là trách nhiệm của nhà nước đối với công dân, bảo vệ lợi ích của nhà nước, của xã hội và của người được TGPL.

Thời gian qua, TGPL đạt được kết quả nhất định như xây dựng, củng cố, kiện toàn các tổ chức thực hiện TGPL; xây dựng đội ngũ người thực hiện TGPL theo hướng tăng về số lượng và từng bước nâng cao năng lực chuyên môn với mục tiêu đáp ứng các yêu cầu TGPL; hoạt động TGPL từng bước đi vào chiều sâu; chất lượng vụ việc TGPL ngày càng phần nào đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản. Bên cạnh đó, XHH hoạt động TGPL trong giai đoạn này đã từng bước được hình thành. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu hình thành hệ thống TGPL thì XHH hoạt động TGPL mới chỉ đạt được những kết quả bước đầu. Việc huy động các tổ chức, cá nhân tham gia TGPL còn hạn hẹp, nhu cầu XHH hoạt động TGPL còn mờ nhạt xuất phát từ yêu cầu thực tiễn về điều kiện kinh tế - xã hội lúc bấy giờ và bối cảnh thực tiễn hoạt động TGPL.

2.1.2.2. Thực trạng chính sách pháp luật về xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

XHH hoạt động TGPL được thể hiện rõ nét qua việc huy động các nguồn lực xã hội tham gia hoạt động TGPL theo Quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như:

- XHH tổ chức thực hiện TGPL

Trong giai đoạn này, Cục TGPL và tổ chức TGPL thuộc Sở Tư pháp đều có chức năng thực hiện TGPL cho người được TGPL. Cục TGPL thực hiện TGPL các vụ việc mà tổ chức TGPL thuộc Sở Tư pháp chuyển lên. Bên cạnh đó, Cục TGPL còn thành lập một số Chi nhánh như Chi nhánh của Cục TGPL tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thái Nguyên.

Bên cạnh Trung tâm TGPL của Cục TGPL, các tổ chức TGPL thuộc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập còn có tổ chức TGPL thuộc các tổ chức chính trị - xã hội. XHH hoạt động TGPL được thể hiện Nhà nước khuyến khích các tổ chức tư vấn pháp luật tham gia thực hiện TGPL. Có thể thấy, ngay từ ngày đầu thành lập tổ chức TGPL nhà nước ta đã có chủ trương đa dạng hóa các tổ chức thực hiện TGPL.

- XHH người thực hiện TGPL

Chế định CTV được hình thành ngay từ những ngày đầu thành lập tổ chức TGPL ở Việt Nam bên cạnh đội ngũ người thực hiện TGPL của Trung tâm TGPL của nhà nước. Theo đó, chuyên viên pháp lý của các cơ quan và tổ chức, các luật sư, luật gia và cá nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Quy chế CTV của tổ chức TGPL được tham gia làm CTV của Cục TGPL và các Trung tâm TGPL của nhà nước ở địa phương. CTV có hai loại: CTV của Cục TGPL; CTV của Trung tâm TGPL của nhà nước. Để thu hút, khuyến khích đội ngũ CTV tích cực tham gia TGPL, nhà nước có cơ chế bồi dưỡng đối với CTV thực hiện TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách nhằm bù đắp một phần công sức, mang tính chất động viên và nâng cao trách nhiệm đối với hoạt động TGPL. Bên cạnh đội ngũ CTV TGPL còn có đội ngũ chuyên viên pháp lý của Trung tâm thực hiện TGPL.

- XHH kinh phí hoạt động TGPL

Đề đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện TGPL nhất là nguồn tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã quyết định thành lập Quỹ TGPL Việt Nam theo đó Quỹ thành lập với chức năng chính tiếp nhận sự tài trợ, đóng góp, ủng hộ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để hỗ trợ cho các hoạt động TGPL trên toàn quốc.

2.1.2.3. Thực trạng thực hiện xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

- Thực trạng XHH tổ chức thực hiện TGPL

Đến tháng 11/2006, hệ thống TGPL đã được củng cố, kiện toàn ở 64/64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với 64 Trung tâm TGPL của nhà nước, 902 Tổ, 115 Chi nhánh, 823 Câu lạc bộ, Điểm TGPL ở cấp huyện, xã. Đồng thời, để thu hút lực lượng xã hội thực hiện TGPL, Bộ Tư pháp đã thí điểm thành lập tổ chức tư vấn pháp luật tham gia thực hiện TGPL như Trung ương Hội Luật gia, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Thực trạng XHH người thực hiện TGPL

Đến tháng 11/2006, cả nước đã có 388 chuyên viên TGPL, có gần 8.437 CTV TGPL trên toàn quốc. CTV chủ yếu là các chuyên viên pháp lý, cán bộ tư pháp cơ sở, pháp chế, luật sư, luật gia và những người làm công tác pháp luật., bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL dần được nâng lên.

Theo số liệu thống kê của Cục TGPL từ năm 1997 đến tháng 11/2006, Cục TGPL và các Trung tâm TGPL của nhà nước đã thực hiện được 982.167 vụ việc cho 1.022.471 người. CTV đã có những đóng góp tích cực cho công tác TGPL trong thời gian qua. Ngoài ra, các tổ chức tư vấn pháp luật của các tổ chức chính trị - xã hội đã tham gia TGPL được 9.558 vụ việc.

- Thực trạng XHH kinh phí hoạt động TGPL

Trong giai đoạn này, hoạt động TGPL đã thu hút được sự quan tâm, hỗ

trợ của nhiều tổ chức quốc tế. Có thể kể đến các hoạt động hỗ trợ tập trung vào kỹ thuật, tăng cường năng lực thông qua các hoạt động tập huấn nghiệp vụ, hội thảo, tọa đàm, tài liệu pháp luật, thuê luật sư tham gia đại diện, bào chữa cho người được TGPL, TGPL lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ TGPL, hoạt động truyền thông v.v..., hỗ trợ các trang thiết bị làm việc của Cục TGPL và Trung tâm TGPL của nhà nước thuộc Sở Tư pháp.

2.2. Thực trạng xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam từ năm 2007 đến năm 2017

Sau gần 09 năm thực hiện Quyết định 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29/6/2006, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội Khóa XI đã thông qua Luật TGPL năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007. Để triển khai thi hành Luật TGPL năm 2006, nhiều văn bản pháp luật về TGPL được ban hành nhằm điều chỉnh toàn diện các hoạt động TGPL, trong đó XHH hoạt động TGPL được quy định cụ thể hơn.

2.2.1. Thực trạng trợ giúp pháp lý và nhu cầu xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

Trong thời gian qua, công tác TGPL đã đạt được những kết quả nhất định, XHH hoạt động TGPL cũng đã có nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được của XHH hoạt động TGPL thì XHH hoạt động TGPL cũng bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập.

Luật TGPL năm 2017 ra đời đã kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế của hoạt động TGPL trong thời gian qua, hướng công tác TGPL đi đúng bản chất trong giai đoạn hiện nay. Luật TGPL năm 2017 có nhiều nội dung mới nổi bật trong đó có đa dạng hóa chủ thể cung cấp dịch vụ TGPL; nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL theo hướng chuẩn hóa đội ngũ người thực hiện TGPL và đặt ra điều kiện tham gia TGPL đối với các tổ chức tham gia TGPL cũng như có các chế độ đãi ngộ nhất định đối với các tổ chức tham gia TGPL

Trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, đòi hỏi tổ chức TGPL và người thực hiện TGPL đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu TGPL của người được TGPL, trong khi đó nhu cầu TGPL ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, đặc biệt trong bối cảnh Luật TGPL năm 2017 đã mở rộng đối tượng được TGPL tăng từ 06 nhóm lên thành 14 nhóm đối tượng. Do đó, trong thời gian tới nhu cầu TGPL có thể tăng gấp đôi so với hiện nay. Do vậy, nhu cầu XHH hoạt động TGPL càng trở nên thiết yếu.

2.2.2. Thực trạng chính sách pháp luật xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

2.2.2.1. Xã hội hóa tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý

Bên cạnh các Trung tâm TGPL nhà nước còn có các tổ chức tham gia

TGPL. Các tổ chức tham gia TGPL bao gồm tổ chức hành nghề luật sư (công ty luật, văn phòng luật sư), tổ chức tư vấn pháp đăng ký tham gia TGPL theo quy định của Luật TGPL năm 2006. Luật TGPL năm 2017 có sự điều chỉnh cho phù hợp XHH hoạt động TGPL bao gồm các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện TGPL với Sở Tư pháp hoặc đăng ký tham gia TGPL bằng nguồn lực của chính mình và quy định cơ chế chi trả thù lao thực hiện vụ việc TGPL cho các tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL.

2.2.2.2. Xã hội hóa người thực hiện trợ giúp pháp lý

Luật TGPL năm 2006 quy định người thực hiện TGPL ngoài TGVPL là viên chức của Trung tâm TGPL nhà nước còn có người tham gia TGPL bao gồm: CTV của Trung tâm TGPL nhà nước, luật sư, tư vấn viên pháp luật làm việc trong tổ chức tư vấn pháp luật. Luật TGPL năm 2017 tiếp tục ghi nhận sự tham gia TGPL của luật sư, tư vấn viên pháp luật và CTV TGPL. Đồng thời, Luật TGPL năm 2017 quy định luật sư ký hợp đồng với Trung tâm TGPL nhà nước và CTV TGPL được hưởng thù lao và chi phí thực hiện vụ việc TGPL theo quy định của pháp luật.

2.2.2.3. Xã hội hóa kinh phí hoạt động trợ giúp pháp lý

XHH kinh phí hoạt động TGPL là một trong những nội dung của XHH hoạt động TGPL, do vậy, Quỹ TGPL Việt Nam được thành lập. Từ khi thành lập năm 2008 đến nay, Quỹ TGPL hoạt động hoàn toàn bằng nguồn ngân sách nhà nước. Vì vậy, Luật TGPL năm 2017 không quy định Quỹ TGPL Việt Nam. XHH kinh phí hoạt động TGPL quy định trong Luật TGPL năm 2017 theo hướng hỗ trợ, khuyến khích, ghi nhận và tôn vinh các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp cho hoạt động TGPL.

Bên cạnh đó, pháp luật về luật sư, tư vấn pháp luật còn quy định việc thực hiện TGPL của luật sư, tư vấn viên pháp luật. Theo đó, luật sư thực hiện TGPL theo nghĩa vụ của luật sư và thời gian thực hiện nghĩa vụ TGPL của luật sư; Trung tâm tư vấn pháp luật ngoài việc thực hiện tư vấn pháp luật miễn phí cho các thành viên, hội viên, đoàn viên của tổ chức mình thì nhà nước còn khuyến khích các Trung tâm tư vấn pháp luật thực hiện tư vấn pháp luật miễn phí cho người nghèo và các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Thực trạng thực hiện xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

- Thực trạng XHH tổ chức thực hiện TGPL

Tính đến 31/12/2016, toàn quốc có 63 Trung tâm TGPL nhà nước ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, 184 Chi nhánh của Trung tâm đặt tại cấp huyện và liên huyện. Bên cạnh các Trung tâm TGPL nhà nước, đến 06/2015, trên toàn quốc có 69 Công ty luật, 297 Văn phòng luật sư đăng ký

tham gia TGPL. Theo số liệu thống kê của Bộ Tư pháp đến 05/12/2015, trong toàn quốc có 3.711 tổ chức hành nghề luật sư, trong đó 2.332 Văn phòng luật sư và 1.377 Công ty luật. Như vậy, so với tổng số tổ chức hành nghề luật sư trên toàn quốc đến hết năm 2015 thì số Văn phòng luật sư, Công ty luật chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Các tổ chức hành nghề luật sư, Trung tâm tư vấn pháp luật tham gia TGPL nhưng hiệu quả chưa cao.

- Thực trạng XHH người thực hiện TGPL

Đội ngũ người thực hiện TGPL từng bước được củng cố và tăng cường về số lượng và chất lượng. Tính đến 31/12/2016, toàn quốc có 605 TGVPL và 721 chuyên viên và các cán bộ khác của Trung tâm TGPL nhà nước. Bên cạnh đội ngũ TGVPL, đến 31/12/2016, toàn quốc có 6.920 CTV TGPL trong đó có 1.021 luật sư, còn lại là các CTV khác với 5.899 người (chiếm 85,2%). Đến tháng 12/2015, theo thống kê của Liên đoàn luật sư Việt Nam thì số thẻ luật sư được cấp là 11.527 luật sư trong đó số luật sư đang hành nghề là 10.839 luật sư. Như vậy, có thể thấy, việc huy động luật sư tham gia làm CTV TGPL còn nhiều hạn chế, đội ngũ CTV TGPL là luật sư chiếm tỷ lệ rất thấp là 9,4% tổng số luật sư hành nghề trong toàn quốc.

Theo thống kê của Cục TGPL từ năm 2007 đến hết năm 2017, các Trung tâm TGPL nhà nước trong toàn quốc đã thực hiện 1.182.960 vụ việc TGPL cho 1.194.187 lượt người được TGPL. Số vụ việc do TGVPL thực hiện là 587.135 vụ việc (chiếm 49,6% tổng số vụ việc); CTV thực hiện 576.266 vụ việc (chiếm 48,7% tổng số vụ việc).

Trong thời gian qua, Luật sư CTV thực hiện vụ việc TGPL chiếm 5,5% tổng số vụ việc; CTV khác thực hiện thực hiện vụ việc TGPL chiếm 39,9% tổng số vụ việc. Có thể nói, đội ngũ người thực hiện TGPL chưa được sử dụng một cách hiệu quả, đặc biệt là đội ngũ Luật sư.

- Thực trạng XHH kinh phí hoạt động TGPL

Hiện nay, việc đầu tư kinh phí cho hoạt động TGPL còn hạn chế, không thường xuyên và phân bổ các khoản chi chưa hợp lý dẫn đến kết quả TGPL trong thời gian qua là chưa cao. Trước năm 2010, TGPL nhận được sự quan tâm hỗ trợ về kinh phí của các dự án góp phần hỗ trợ cho hoạt động TGPL. Từ đó đến nay, Việt Nam chuyển từ nước có thu nhập thấp sang nước có thu nhập trung bình, việc hỗ trợ từ các Chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế hầu như không còn.

2.3. Hạn chế, bất cập về xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

Bên cạnh những kết quả đạt được thì XHH hoạt động TGPL sớm bộc lộ những hạn chế, bất cập cụ thể như:

2.3.1. Cơ chế chính sách pháp luật chưa thật sự tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp cho hoạt động trợ giúp pháp lý

XHH hoạt động TGPL chưa được đẩy mạnh, chưa có văn bản quy định về cơ chế bảo đảm nên chưa thu hút được sự tham gia TGPL đông đảo của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thực hiện vụ việc TGPL. Cá nhân tham gia TGPL có quy định về chế độ bồi dưỡng vụ việc TGPL đối với luật sư, tư vấn viên pháp luật tham gia làm CTV TGPL.

Đồng thời, hiện nay chưa có cơ chế kiểm soát một cách hiệu quả hoạt động thực hiện nghĩa vụ TGPL của luật sư theo Luật luật sư. Do vậy, chưa huy động được đông đảo đội ngũ luật sư thực hiện cung cấp dịch vụ TGPL miễn phí.

2.3.2. Nhận thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý còn hạn chế

Nhận thức của một số các cơ quan, tổ chức, cá nhân về XHH hoạt động TGPL còn hạn chế, chưa thật đầy đủ. Số lượng tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật của các tổ chức xã hội tham gia TGPL chưa nhiều.

2.3.3. Công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý còn hạn chế, chưa đa dạng về hình thức

Công tác truyền thông về TGPL nói chung và XHH hoạt động TGPL ở một số nơi còn thiếu thường xuyên, chưa đổi mới phương thức nên hiệu quả còn nhiều hạn chế. Công tác truyền thông chưa phản ánh sinh động thực tế công tác TGPL nên chưa thu hút sự quan tâm của xã hội, người dân về TGPL.

2.3.4. Nguồn nhân lực thực hiện xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý còn hạn chế

Số lượng các tổ chức tự nguyện đăng ký tham gia TGPL còn ít so với tiềm năng hiện có. Nhiều tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật đăng ký tham gia TGPL nhưng chưa thực sự quan tâm đến việc thực hiện TGPL. Số lượng vụ việc TGPL được các tổ chức này thực hiện chưa nhiều.

2.3.5. Kinh phí và các điều kiện tài chính khác còn hạn chế

Kinh phí bảo đảm cho công tác TGPL còn hạn chế. Kinh phí cấp cho Trung tâm TGPL nhà nước vẫn theo định mức biên chế sự nghiệp như các đơn vị sự nghiệp có thu khác mà chưa tính đến đặc thù, tính chất miễn phí của hoạt động TGPL.

Hạn chế, bất cập đó xuất phát từ một số nguyên nhân sau: (1) Nhận thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa của TGPL nói chung và XHH hoạt động TGPL nói riêng của một số cán bộ cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan, nhà nước chưa đầy đủ; (2) Chính sách về việc huy động các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện TGPL mới chỉ mang tính chất khung; (3) Nhu cầu TGPL của người được TGPL ngày càng tăng và tính chất các vụ việc TGPL ngày càng phức tạp.

Chương 3

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Quan điểm bảo đảm xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam

3.1.1. Xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý cần thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về các chính sách xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý trong giai đoạn phát triển mới

Xuất phát từ vị trí, vai trò của hoạt động TGPL mà Đảng và Nhà nước ta đã có các chính sách về XHH hoạt động TGPL. Chính sách XHH hoạt động TGPL được thể hiện trong các văn bản pháp luật về TGPL trong các giai đoạn phát triển của hệ thống TGPL. Một trong những mục tiêu đổi mới TGPL trong Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015 - 2025 xác định cụ thể đổi mới công tác TGPL theo hướng đẩy mạnh XHH với lộ trình phù hợp với đặc thù từng vùng, miền khu vực. Như vậy, có thể thấy XHH hoạt động TGPL là một trong những mục tiêu phát triển của hoạt động TGPL trong giai đoạn mới. Luật TGPL năm 2017 đã thể hiện chính sách XHH hoạt động TGPL.

3.1.2. Xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý nhằm bảo đảm mục tiêu bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người

TGPL là một trong những quyền cơ bản của hệ thống quyền con người dựa trên nguyên tắc tiếp cận công lý. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được cấu thành từ yếu tố nhân quyền. Với bản chất của nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do vậy việc tôn trọng và bảo vệ quyền công dân, quyền con người càng được đề cao. Hiến pháp 2013 công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân thông qua hoạt động TGPL góp phần làm cho yếu tố nhân quyền được bảo đảm thực hiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực thì XHH hoạt động TGPL cũng có thể gây ra những rủi ro như khó kiểm soát được chất lượng TGPL do đa dạng về tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ; các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TGPL được nhà nước hỗ trợ kinh phí nhưng không đáng kể do vậy khó có thể bù đắp được những chi phí mà họ bỏ ra.

3.1.3. Xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý cần gắn liền với cải cách hành chính, cải cách tư pháp

TGPL là dịch vụ công thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước. Bên cạnh chức năng quản lý nhà nước về mọi mặt của đời sống xã hội, nhà nước còn có chức năng phục vụ, cung ứng dịch vụ công vì lợi ích chung của cộng đồng, xã hội. XHH dịch vụ công nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội đáp ứng dịch vụ cho công dân.

TGPL là một loại hình dịch vụ công xuất phát từ lý do sau: TGPL là việc cung cấp dịch vụ pháp lý phục vụ lợi ích thiết yếu cho người được TGPL; TGPL là trách nhiệm của nhà nước, nhà nước chịu trách nhiệm trước xã hội trong việc cung ứng dịch vụ pháp lý miễn phí; TGPL cho người được TGPL bảo đảm tính công bằng trong việc tiếp cận pháp luật của các chủ thể. Như vậy, XHH hoạt động TGPL gắn với yêu cầu cải cách hành chính nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đồng thời, XHH hoạt động TGPL góp phần đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

3.1.4. Xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý phải thể hiện vai trò, trách nhiệm và sự thích ứng của nhà nước trong cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp trong bối cảnh mới

Đối với một chủ trương, chính sách lớn và mang đầy tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc như TGPL thì nhà nước cần giữ vai trò nòng cốt trong việc thực hiện TGPL và huy động các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TGPL. Nếu giao toàn bộ hoạt động này cho xã hội sẽ dẫn đến việc chăm lo, trách nhiệm với người nghèo, người có công với cách mạng và các đối tượng yếu thế khác trong xã hội bị sao nhãng và sẽ đến lúc nguồn lực xã hội không thực hiện hoạt động TGPL thì sẽ không có nguồn lực đáp ứng yêu cầu của người dân.

3.1.5. Kế thừa quy định còn phù hợp, khắc phục những hạn chế của xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý, đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý của xã hội hiện nay

TGPL có vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống xã hội góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nhưng đến nay hoạt động TGPL của các tổ chức thực hiện TGPL của nhà nước chưa đáp ứng được với nhu cầu phát triển của xã hội và nhu cầu TGPL của các đối tượng được TGPL nếu không có những giải pháp hữu hiệu trong việc huy động nguồn lực xã hội tham gia thực hiện TGPL.

Thứ nhất, TGPL là một trong những tiêu chí của Nhà nước pháp quyền góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người. Vì vậy, nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm cung ứng dịch vụ pháp lý.

Thứ hai, XHH hoạt động TGPL nhằm khắc phục các hạn chế của hoạt động TGPL như hạn chế sự độc quyền.

Thứ ba, XHH hoạt động TGPL nhằm huy động nguồn lực dồi dào của tổ chức, cá nhân ngoài xã hội. Việc huy động các chủ thể thực hiện TGPL làm tăng số lượng chủ thể cung cấp dịch vụ để người được TGPL có cơ hội sử dụng dịch vụ TGPL kịp thời.

3.2. Các giải pháp bảo đảm xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

Thế chế bảo đảm tính đồng bộ thống nhất trong hệ thống pháp luật TGPL là tiền đề cho việc triển khai có hiệu quả XHH hoạt động TGPL. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật để khuyến khích, huy động các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp hỗ trợ hoạt động TGPL; cần có giải pháp ghi nhận sự đóng góp, hỗ trợ cho hoạt động TGPL của các tổ chức này; có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ người thực hiện TGPL.

Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ chế vinh danh, ưu tiên là khách hàng của nhà nước đối với các vụ tranh chấp mà nhà nước là một bên cho các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật có nhiều đóng góp tích cực cho hoạt động TGPL. Đồng thời, Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch và các Bộ, ban, ngành có liên quan tham mưu ban hành hoặc ban hành các chính sách ưu đãi về thuế, ưu đãi về việc giao đất hoặc thuê đất, thuê trụ sở, hỗ trợ quảng cáo đối với các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật tham gia tích cực vào hoạt động TGPL. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp nghiên cứu xây dựng các cơ chế khuyến khích, khen thưởng, tôn vinh các luật sư, luật gia tham gia giảng dạy, bồi dưỡng nâng cao kiến thức kỹ năng nghề nghiệp cho người thực hiện TGPL mà không nhận thù lao giảng dạy từ ngân sách nhà nước và nhà nước cấp chứng nhận đủ điều kiện đối với các tổ chức hành nghề luật sư, luật sư đăng ký tham gia thực hiện TGPL. Đồng thời, đơn giản hóa các thủ tục thanh toán thù lao và chi phí thực hiện vụ việc TGPL để thu hút được ngày càng nhiều tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TGPL và tăng mức chi thù lao cho tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL và luật sư, CTV cao hơn so với mức hiện hành.

Để nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện TGPL của các luật sư cần sớm sửa đổi, bổ sung Quyết định số 93/QĐ-BTV ngày 09/10/2014 của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam hướng dẫn về nghĩa vụ thực hiện TGPL của luật sư.

3.2.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý

Mở rộng mạng lưới tổ chức tham gia thực hiện TGPL thông qua việc tạo ra các cơ chế thông thoáng trong việc thực hiện ký hợp đồng thực hiện TGPL như chỉ cần ký hợp đồng thực hiện TGPL khung giữa Sở Tư pháp với các tổ chức hành nghề luật sư là các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thì khi đó các tổ chức này chủ động tiếp nhận, thực hiện vụ việc TGPL. Đơn giản hóa các thủ tục đăng ký tham gia thực hiện TGPL bằng nguồn lực của mình. Đồng thời, Liên đoàn Luật sư Việt Nam cần có hướng dẫn các tổ chức hành nghề luật sư, các luật sư tham gia TGPL tự nguyện (probono), thực hiện nghĩa vụ TGPL luật sư.

Việc mở rộng tổ chức thực hiện TGPL là khác nhau tùy thuộc vào điều

kiện kinh tế - xã hội của mỗi địa phương. Đối với địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật và các luật sư ít chưa thể bảo đảm thực hiện TGPL trong khi đó nhu cầu và đối tượng được TGPL ở những nơi này chiếm tỷ lệ cao thì phải kiện toàn Trung tâm TGPL nhà nước. Đối với địa phương còn lại ở những nơi có điều kiện kinh tế phát triển thì cần có giải pháp truyền thông nâng cao nhận thức đẩy mạnh việc tham gia TGPL của các tổ chức vào hoạt động TGPL đồng thời vẫn phải duy trì tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL nhà nước.

3.2.3. Giải pháp về người thực hiện trợ giúp pháp lý

3.2.3.1. Đối với Trợ giúp viên pháp lý

- Ở những địa phương có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, đội ngũ luật sư mỏng và các cá nhân có đủ điều kiện tham gia TGPL ít chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân, thì TGVPL vẫn là lực lượng nòng cốt thực hiện TGPL. Do vậy, ở những địa phương này đội ngũ TGVPL cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác TGPL.

Ở các địa phương còn lại, thực hiện tinh giản đội ngũ TGVPL theo hướng khuyến khích họ chuyển đổi thành luật sư công sau năm 2025. Tăng cường XHH hoạt động TGPL bằng việc thu hút sự tham gia của các luật sư có uy tín, kinh nghiệm thực hiện TGPL. Nâng cao chất lượng tham gia tổ tụng của các TGVPL thông qua việc giao chỉ tiêu thực hiện vụ việc tham gia tổ tụng hàng năm cho mỗi TGVPL.

- Giai đoạn sau năm 2025, cần xây dựng cơ chế chuyển đổi các TGVPL thành luật sư công/luat sư nhà nước thay thế cho chức danh TGVPL hiện nay. Theo hướng này, tại Trung tâm TGPL nhà nước có luật sư công/luat sư nhà nước là người thực hiện TGPL. Như vậy, người thực hiện TGPL trong giai đoạn này là luật sư chỉ khác là luật sư công thực hiện TGPL và luật sư hành nghề cung cấp dịch vụ TGPL ký hợp đồng vụ việc với nhà nước.

Nguồn của đội ngũ luật sư công/luat sư nhà nước là các TGVPL đã thực hiện TGPL hoàn thành tốt chỉ tiêu vụ việc tham gia tổ tụng chuyển sang hoặc luật sư đang hành nghề tự do với tư cách cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, có nguyện vọng làm việc tại Trung tâm TGPL nhà nước, được Trung tâm TGPL nhà nước tạo điều kiện ký hợp đồng lao động và được trả lương từ ngân sách nhà nước.

Luật sư công sẽ được nhà nước ưu tiên ký hợp đồng thường xuyên để thực hiện TGPL. Việc chuyển đổi mô hình người thực hiện TGPL ở giai đoạn sau năm 2025 là phù hợp với xu thế chung của các nước trong khu vực và trên thế giới và bảo đảm lộ trình phát triển dịch vụ TGPL miễn phí ở nước ta.

3.2.3.2. Đối với luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên trợ giúp pháp lý xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý

- Trước hết, cần chú trọng việc xây dựng và phát triển luật sư thực hiện TGPL theo hợp đồng với Trung tâm TGPL nhà nước; luật sư thực hiện TGPL theo phân công của tổ chức tham gia TGPL; tư vấn viên pháp luật của tổ chức tham gia TGPL có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về TGPL.

Nâng cao năng lực thực hiện TGPL; xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý, thỏa đáng đối với người tham gia thực hiện TGPL để khuyến khích, động viên thu hút mọi lực lượng xã hội tham gia vào hoạt động này. Đồng thời, quy định Luật sư hành nghề tự do phải có nghĩa vụ thực hiện một số giờ TGPL nhất định trong năm.

- Giai đoạn sau năm 2025, bên cạnh đội ngũ luật sư công thực hiện TGPL thì nhà nước còn huy động luật sư hành nghề tham gia thực hiện TGPL.

3.2.4. Giải pháp về kinh phí hoạt động trợ giúp pháp lý

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ cơ sở vật chất; tăng mức thù lao và chi phí thực hiện vụ việc TGPL

Trước mắt, cần xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện chính sách XHH hoạt động TGPL, theo đó xác định rõ cơ chế nhà nước hỗ trợ cơ sở vật chất (trụ sở, trang thiết bị làm việc,...); có cơ chế tăng mức thù lao và chi phí thực hiện vụ việc TGPL bởi lẽ mức thù lao và chi phí thực hiện vụ việc TGPL còn thấp.

- Thu hút tài trợ cho các hoạt động TGPL

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động TGPL. Có chính sách tôn vinh, vinh danh hoặc ưu đãi các tổ chức, cá nhân có đóng góp bằng hình thức miễn, giảm thuế hoặc được thực hiện quảng cáo miễn/giảm phí phù hợp đối với sự đóng góp của họ cho hoạt động TGPL.

- Bảo đảm kinh phí cho công tác TGPL, có cấu hợp lý các khoản chi

Để bảo đảm hoạt động TGPL phát triển ổn định, bền vững, cần có cơ chế điều tiết từ Trung ương tránh trường hợp hoạt động TGPL phụ thuộc vào ngân sách địa phương dẫn đến tình trạng có địa phương thừa kinh phí cho hoạt động TGPL nhưng lại có địa phương thiếu kinh phí cho hoạt động TGPL.

3.2.5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

TGPL là hoạt động mang tính nhân văn sâu sắc, luôn nhận được sự quan tâm của cộng đồng quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tương tự như các lĩnh vực khác việc giao lưu quốc tế trong hoạt động TGPL có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TGPL tạo ra nhiều cơ hội trong việc thực hiện giao lưu, chia sẻ, học tập kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động TGPL của các nước trong khu vực và trên thế giới trong đó có kinh nghiệm về XHH hoạt

động TGPL. Trong thời gian tới, cần tăng cường hợp tác quốc tế về TGPL tập trung hỗ trợ kỹ thuật từ các nước có hệ thống TGPL phát triển cho các tổ chức, cá nhân tham gia TGPL góp phần thúc đẩy việc XHH hoạt động TGPL. Đồng thời, để đẩy mạnh XHH hoạt động TGPL cần có chính sách cử các tổ chức, cá nhân tham gia TGPL tham dự các diễn đàn quốc tế cũng như khu vực về XHH hoạt động TGPL.

KẾT LUẬN

XHH hoạt động TGPL là một yêu cầu cấp thiết cho sự phát triển chung của hoạt động TGPL ở Việt Nam trong thời gian tới. Trong những năm qua, XHH hoạt động TGPL đem lại những kết quả nhất định là cơ sở để hoạt động TGPL phát triển bền vững. Bên cạnh những kết quả đạt được, luận văn đi sâu phân tích những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện XHH hoạt động TGPL. Đồng thời, luận văn cũng có sự khảo cứu kinh nghiệm TGPL của một số nước trên thế giới về XHH hoạt động TGPL. Trên cơ sở đó, luận văn đã mạnh dạn đưa ra các quan điểm và một số giải pháp đẩy mạnh XHH hoạt động TGPL ở Việt Nam trong thời gian tới góp phần cho sự phát triển TGPL ở Việt Nam, đó là các giải pháp:

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về TGPL để tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho XHH hoạt động TGPL.

Thứ hai, huy động các tổ chức thực hiện TGPL bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội từng vùng miền và khả năng đáp ứng nhu cầu TGPL của người được TGPL.

Thứ ba, huy động sự tham gia TGPL chủ động, tích cực của các luật sư, tư vấn viên pháp luật và CTV TGPL bên cạnh đội ngũ TGVPL bảo đảm phù hợp với từng vùng miền. Nâng cao trình độ để xây dựng đội ngũ luật sư công thực hiện TGPL sau năm 2025.

Thứ tư, có chính sách thu hút sự tham gia, đóng góp về tài chính, cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ khác của các tổ chức, cá nhân.

Thứ năm, tăng cường sự quan tâm, giúp đỡ của các tổ chức quốc tế.

Với sự hạn chế về thời gian, tài liệu tham khảo, về hiểu biết, điều kiện và kinh nghiệm nghiên cứu do đó các nội dung thể hiện trong luận văn mới chỉ là những nghiên cứu bước đầu, cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn chỉnh để góp phần phát huy có hiệu quả XHH hoạt động TGPL ở Việt Nam. Vì vậy, luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả mong nhận được sự quan tâm chỉ dẫn, góp ý của thầy, cô và đồng nghiệp, đồng môn.